

Bản án số 224/2023/DS-PT

Ngày 22 - 8 - 2023

V/v “*Tranh chấp thừa kế; hủy hợp  
đồng tặng cho tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Long

***Các Thẩm phán:*** Ông Phạm Việt Cường

Ông Trương Minh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án của  
Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia  
phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà  
Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/TLPT-DS ngày 17  
tháng 01 năm 2023 về “*Tranh chấp thừa kế; hủy hợp đồng tặng cho tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm  
2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2920/2023/QĐPT-HC ngày 03  
tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

***1- Nguyên đơn:***

- Bà Cao Thị C; cư trú tại: Số A đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có  
mặt.

- Bà Cao Thị N; cư trú tại: Số A đường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có  
mặt.

***2- Bị đơn:***

2.1. Ông Cao L

2.2. Bà Hà Thị Thanh E

Đều cư trú tại: USA.

*Người đại diện hợp pháp của ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E: Anh Cao Hà C1 (bị đơn trong vụ án), có mặt.*

2.3. Anh Cao Hà C1; cư trú tại: Số I đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

2.4. Anh Cao Hà N1; cư trú tại: Số I đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2.5. Anh Cao Hà T; cư trú tại: F W # C HOUSTON, TX 77088 USA

**3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Cao Thị T1; cư trú tại: Xóm D, thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện hợp pháp của bà Cao Thị T1: bà Cao Thị N (nguyên đơn trong vụ án) (Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2015); có mặt.*

3.2. Bà Cao Thị C2; cư trú tại: I W M - R 77076 USA.

*Người đại diện hợp pháp của bà Cao Thị C2: Bà Cao Thị C (Nguyên đơn trong vụ án) (Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2015); có mặt.*

3.3. Ông Cao Hữu T2; cư trú tại: Số A đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Đại diện hợp pháp của ông Cao Hữu T2: Bà Cao Thị C (nguyên đơn trong vụ án) (Văn bản ủy quyền ngày 02/03/2020); có mặt.*

3.4. Bà Cao Thị Bích T3; cư trú tại: A F – Rd Houston 77065 USA

*Người đại diện hợp pháp của bà Cao Thị Bích T3: Bà Cao Thị C và bà Cao Thị N (nguyên đơn trong vụ án) (văn bản ủy quyền ngày 31/5/2015); có mặt.*

3.5. Ông Cao Đức H; cư trú tại: A Cypress North Houston R USA; có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của ông Cao Đức H: Bà Cao Thị C và bà Cao Thị N (nguyên đơn trong vụ án) (văn bản ủy quyền ngày 31/5/2015); có mặt.*

3.6. Chị Nguyễn Thị Thanh H1

3.7. Chị Nguyễn Thị P (có mặt)

Cùng cư trú tại: Số I đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.8. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Q.

*Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Tôn T4 - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q (Văn bản ủy quyền ngày 06/11/2017); vắng mặt.*

3.9. Văn phòng C10; Địa chỉ: Số B đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của Văn phòng C10: Bà Phạm Thị Thanh H2*  
– Công chứng viên; vắng mặt.

**4. Người kháng cáo:** Anh Cao Hà C1 (đồng thời đại diện cho ông Lương bà Em).

**5. Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn bà Cao Thị C, bà Cao Thị N, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Cao Thị T1, bà Cao Thị C2, ông Cao Hữu T2, bà Cao Thị Bích T3 và ông Cao Đức H cùng nội dung trình bày:

Cha mẹ các bà là Cao Chắt (chết năm 1985), Lê Thị C3 (chết năm 2012) có 08 người con gồm: Cao Lương, Cao Thị T1, Cao Thị C2, Cao Thị C, Cao Thị N, Cao Hữu T2, Cao Thị Bích T3 và Cao Đức H. Cha mẹ không có con nuôi, con riêng; khi chết không để lại di chúc.

Tài sản cụ C4 cụ C3 để lại là thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22, diện tích 196,9 m<sup>2</sup>(diện tích đo đạc thực tế là 199,1m<sup>2</sup>) tại số I đường T thuộc tổ C, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, trên đất có ngôi nhà cấp 4 gồm 03 căn. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số vào sổ GCNQSDĐ H00049 cho ông Cao L và bà Hà Thị Thanh E ngày 03/8/2005. Sau đó, gia đình ông L đập nhà cũ và xây dựng lại ngôi nhà mới như hiện nay.

Ngày 26/5/2015, ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22 tại số I đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định cho anh Cao Hà C1, anh Cao Hà N1 và anh Cao Hà T. Chị em các bà đã kịp thời ngăn cản nên các Hợp đồng tặng cho tài sản chỉ dừng lại ở việc công chứng. Hiện nay nhà và đất do vợ chồng anh Cao Hà C1, vợ chồng anh Cao Hà N1 (con và dâu của ông Cao L) đang quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các vấn đề cụ thể như sau:

- Chia thừa kế di sản của cụ C4 cụ C3 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22, diện tích 199,1m<sup>2</sup> (Theo kết quả đo đạc ngày 17/5/2019) tại số I đường T, thành phố Q cho các thừa kế, không yêu cầu chia tài sản là nhà trên đất.

- Yêu cầu hủy GCNQSDĐ số vào sổ GCNQSDĐ H00049 của Ủy ban nhân dân thành phố Q đã cấp cho ông Cao L bà Hà Thị Thanh E ngày 03/8/2005 tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22, diện tích 196,9m<sup>2</sup> tại 09 đường T, thành phố Q.

- Yêu cầu Tòa hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2359 ngày 26/5/2015 giữa ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E với anh Cao Hà T, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với

đất số 2357 ngày 26/5/2015 giữa ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E với anh Cao Hà C1 và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2358 ngày 26/5/2015 giữa ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E với anh Cao Hà N1.

- *Bị đơn anh Cao Hà C1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E trình bày:*

Thông nhất với lời khai của bà Cao Thị C về thời gian chết của ông bà nội là cụ C4 cụ C3, không xác định về hàng thừa kế.

Đối với tài sản là nhà, đất tại thửa số 164, tờ bản đồ số 22, diện tích 196,9m<sup>2</sup> tọa lạc tại 09 đường T, tổ C, khu V, phường T, thành phố Q: Tại ngày cưới của của ông L, bà E (27/10/1973), ông nội là Cao C5 và bà nội Lê Thị C3 đã thống nhất định đoạt cho cha mẹ anh nhà, đất này thể hiện qua Chúc thư ngày 27/10/1973.

Từ năm sau năm 1973, ông Lương bà Em và các anh chị em anh C1 quản lý, sử dụng nhà, đất liên tục đến nay hơn 40 năm. Như vậy nhà đất không còn là di sản của cụ C5 và cụ C3.

Khoảng tháng 05/2002, cha mẹ là ông Lương b Em phá bỏ nhà cũ, xây dựng lại toàn bộ nhà mới. Ông L bà E có mượn tiền của bà C2, ông H, ông T2 và bà T3 (sổ mượn tiền hiện nay vẫn còn và ba mẹ anh đã trả xong nợ). Khi tháo dỡ nhà cũ, bà Cao Thị N và bà Cao Thị Càn C có thuê xe tải chở tole, gỗ, cửa cũ của nhà cũ mà cha mẹ tôi cho, đưa về tỉnh Gia Lai. Chồng bà T3 là ông Trần Văn N2 thi công điện nước cho ngôi nhà, ông T2 tặng 01 cây T5 bách tán (hiện còn sống).

Năm 2002, ông Lương b Em làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận và đến ngày 03/8/2005 thì được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ số vào sổ GCNQSDĐ H00049 tên thửa số 164, tờ bản đồ số 22, diện tích 196,9m<sup>2</sup> tại 09 đường T, tổ C, khu V, phường T, thành phố Q. Việc cha mẹ anh được cấp GCNQSDĐ không ai tranh chấp nên đây là tài sản của cha mẹ anh, không phải di sản của cụ Cao C5 cụ Lê Thị C3.

Ngày 26/5/2015 cha mẹ là ông L, bà E lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho anh C1, anh Cao Hà N1 và anh Cao Hà T tại Văn phòng C10, theo số Hợp đồng số 2357, 2358 và 2359; hiện nay chưa sang tên vì đang có tranh chấp.

Bị đơn không đồng ý các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Anh Cao Hà N1 trình bày:* thông nhất như lời trình bày và yêu cầu của bị đơn anh Cao Hà C1.

- *Anh Nguyễn Ngọc P1 là đại diện hợp pháp của bà Hà Thị Thanh E trình bày:* Thông nhất lời trình bày và yêu cầu của anh Cao Hà C1.

- Ủy ban nhân dân thành phố Q do ông Ngô Tôn T4 – đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 14/01/2005, ông Cao L nộp đơn xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22, địa chỉ số nhà I T, phường T, thành phố Q và được UBND phường T xác nhận nguồn gốc sử dụng đất là: được cha mẹ cho nhà kèm theo đất năm 1973, sử dụng ổn định, không tranh chấp, không nằm trong quy hoạch giải tỏa.

Việc cho nhà và đất theo xác nhận của UBND phường T ngày 14/01/2005 tại đơn xin cấp GCN, có 03 người làm chứng.

Ngày 23/5/2005, Phòng T đã phối hợp với UBND phường T kiểm tra đo vẽ hiện trạng để xác định mốc giới mặt bằng hiện trạng nhà ở, đất ở: qua đó xác định phân diện tích ông Cao L xin cấp GCNQSDĐ là 196,93m<sup>2</sup> có giới cận: Đông giáp nhà ông Đ; Tây giáp nhà ông C6; Nam giáp đường T; Bắc giáp nhà ông T4, nhà ông Đ1, nhà ông H3 và nhà ông B. Phòng T đã có thông báo xác định mốc giới hiện trạng đất ở và tất cả các hộ đều xác nhận nhà ở không có tranh chấp.

Ngày 13/6/2005, UBND thành phố Q đã có phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính đối với phân diện tích đất ông Cao L và bà Hà Thị Thanh E được cấp GCNQSDĐ. Đến ngày 29/6/2005, ông Cao L đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

Sau khi kiểm tra hồ sơ, ngày 28/7/2005, Phòng T đã có Tờ trình số 1391/TTr-TNMT về việc cấp GCNQSDĐ cho ông Cao L và bà Hà Thị Thanh E.

Trên cơ sở đề nghị của Phòng T, ngày 03/8/2005, UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ số H00049 cho ông Cao L và bà Hà Thị Thanh E là đúng theo quy định.

Việc bà Cao Thị C, bà Cao Thị N yêu cầu hủy GCNQSDĐ số H00049 ngày 03/8/2005 của UBND thành phố cấp cho ông Cao L bà Hà Thị Thanh E là không có cơ sở.

- Bà Phạm Thị Thanh H2 – *Người đại diện hợp pháp của Văn phòng C10 trình bày:*

Ngày 26/5/2015, Văn phòng C10 có tiếp nhận yêu cầu công chứng của ông Cao Lương T6, bà Hà Thị Thanh E và anh Cao Hà N1, Cao Hà C1, Cao Hà T với nội dung: “Yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” đối với bất động sản tại địa chỉ số I, đường T, phường T, thành phố Q (thửa 164, tờ bản đồ số 22).

Khi yêu cầu công chứng, ông Cao Lương T6, bà Hà Thị Thanh E và anh Cao Hà N1, Cao Hà C1, Cao Hà T có cung cấp cho công chứng viên các giấy tờ pháp lý bản chính kèm theo để thực hiện yêu cầu công chứng nêu trên với nội dung tặng cho một phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với bất động sản tại địa chỉ số I đường T, phường T, thành phố Q cho các anh Cao Hà T, Cao Hà C1, Cao Hà P2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng, công chứng viên đã tiến hành kiểm tra, xem xét tài liệu, giấy tờ tùy

thân, giấy tờ tài sản cùng các giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho yêu cầu công chứng. Qua kiểm tra hồ sơ, công chứng viên nhận thấy đã đầy đủ căn cứ để Công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên nên công chứng viên thụ lý và ghi vào Sổ công chứng. Công chứng viên đã giải thích cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc tham gia hợp đồng, giao dịch tặng cho này.

Sau khi các bên thống nhất, Công chứng viên đã giao hồ sơ cho nhân viên nghiệp vụ soạn thảo hợp đồng tặng cho theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng, công chứng viên đã kiểm tra lại toàn bộ dự thảo hợp đồng tặng cho nêu trên cho người yêu cầu công chứng. Đồng thời, công chứng viên đề nghị người yêu cầu công chứng tự đọc lại toàn bộ dự thảo hợp đồng tặng cho nêu trên. Người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong Hợp đồng tặng cho, Công chứng viên cho người yêu cầu công chứng ký vào từng trang của hợp đồng. Sau đó, công chứng viên đề nghị người yêu cầu công chứng xuất trình bản chính của các giấy tờ để đối chiếu trước khi ghi vào lời chứng, ký vào từng trang của hợp đồng, văn bản công chứng được chuyển cho văn thư để đóng dấu và phát hành cho người yêu cầu công chứng.

[2] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 34, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị C, bà Cao Thị N về việc chia thừa kế di sản của vợ chồng cụ Cao C5, Lê Thị C3 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22, diện tích 199,1m<sup>2</sup> tại 09 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bà Cao Thị C, bà Cao Thị N, ông Cao L, bà Cao Thị C2, bà Cao Thị T1, ông Cao Hữu T2, bà Cao Thị Bích T3 và ông Cao Đức H mỗi thừa kế được hưởng 2.737.062.500 đồng (hai tỷ bảy trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu hai ngàn năm trăm).

3. Giao cho ông Cao L được quyền sử dụng và sở hữu ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22, diện tích 199,1m<sup>2</sup> tại 09 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ GCNQSDĐ H00049 do UBND thành phố Q đã cấp cho ông Cao L bà Hà Thị Thanh E ngày 03/8/2005.

4. Buộc ông Cao L phải thanh toán kỹ phần thừa kế cho bà Cao Thị C, bà Cao Thị N, bà Cao Thị C2, bà Cao Thị T1, ông Cao Hữu T2, bà Cao Thị Bích T3 và ông Cao Đức H mỗi người 2.737.062.500 đồng (hai tỷ bảy trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu hai ngàn năm trăm).

5. Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2359 ngày 26/5/2015 giữa ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E với anh Cao Hà T; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2357 ngày 26/5/2015 giữa ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E với anh Cao Hà C1 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2358 ngày 26/5/2015 giữa ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E với anh Cao Hà N1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, về quyền và nghĩa vụ thi hành án, thông báo về quyền kháng cáo.

[3] Kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 12-10-2022 anh Cao Hà C1 (đồng thời đại diện theo ủy quyền của ông Cao L và bà Hà Thị Thanh E) kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm; đề nghị không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 13-10-2022 bà Cao Thị C và Cao Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác phần tính công sức đóng góp, tôn tạo, bảo quản di sản cho ông Cao L. Đồng thời yêu cầu giám định lại chúc thư ngày 27/10/1973, yêu cầu tiến hành định giá lại tài sản tranh chấp, nếu ông Cao L cho rằng giá cao thì nguyên đơn nhận nhà đất, thanh toán lại cho gia đình ông Cao L.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 614/QĐ-VKS ngày 14-10-2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Cao Hà C1 giữ nguyên kháng cáo của các bị đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn với lý do nhà đất đã được định đoạt vào năm 1973. Chúc thư có nội dung quyết định tặng cho nhà đất cho ông L, bà E; trên thực tế thì các cụ C5 và cụ C3 đã giao nhà đất gia đình ông L bà E quản lý sử dụng công khai trên thực tế từ năm 1973 đến nay trên thời hạn 30 năm, không có ai tranh chấp, được chính quyền địa phương xác nhận và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2002 ông L bà E phá dỡ nhà cũ xây lại nhà mới trên đất nhưng không ai có ý kiến gì, cụ C3 còn sống nhưng không có ý kiến gì và không ở đây. Nếu Cha mẹ ông C1 không ở đây thì đã có nhà đất khác như trường hợp của ông Cao Hữu T2 ở gần đó.

Bà Cao Thị C và Cao Thị N giữ nguyên kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm giảm phần tính công sức bảo quản, tôn tạo di sản cho ông Lương bà Em xuống còn 500.000.000 đồng. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vì 02 lần giám định cho kết quả trái ngược nhau. Khi ông L làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mẹ là bà C3 còn sống nhưng không ký vào hồ sơ.

*Đại diện Viện kiểm sát cấp cao Đ2 tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các yêu cầu

giám định, định giá của nguyên đơn thì Tòa án cấp phúc thẩm đã nhiều lần hoãn phiên tòa để thực hiện, nhưng nguyên đơn khi thì rút lại yêu cầu, khi thì không hợp tác thực hiện và có đề nghị Tòa án nhanh chóng xét xử vụ án. Đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ 4 nên việc tiến hành xét xử là đúng.

Đối với Kháng nghị: do tại giai đoạn phúc thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ nên điều chỉnh kháng nghị không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, mà đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ xem phần tài sản của cụ Lê Thị C3 trong khối tài sản chung với cụ C7 là di sản để phân chia bằng giá trị; trong đó có tính công sức bảo quản, duy trì làm tăng giá trị di sản cho ông Lương bà Em tương đương với một kỷ phần thừa kế. Phần tài sản của cụ C7 đã định đoạt, nay cụ đã chết thì trong mọi trường hợp đều không thể thay đổi sự định đoạt này. Đối với kháng cáo của bên bị đơn đề nghị chấp nhận vì giống với kháng nghị; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phân chia di sản cụ Lê Thị C3 theo pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong đơn kháng cáo ngày 13-10-2022 và văn bản ngày 20-10-2022 bà Cao Thị N và Cao Thị C xin giám định lại chữ ký trong Chúc thư.

Ngày 04-4-2023 bà Cao Thị C và Cao Thị N có Đơn xin rút lại yêu cầu giám định chữ ký trong Chúc thư.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ 3 ngày 19-5-2023, bà C và bà N đề nghị cho giám định lại chữ ký trong Chúc thư (và nộp đơn yêu cầu ghi ngày 18-5-2023). Phiên tòa phúc thẩm được hoãn lại để thực hiện các thủ tục giám định. Tuy nhiên, người yêu cầu giám định không phối hợp thực hiện các thủ tục để giám định như nộp chứng cứ gốc là “*Thẻ căn cước*” của ông Cao C5 và nộp tạm ứng chi phí giám định. Ngày 03-7-2023, Tòa án tiến hành triệu tập các đương sự để tiếp tục thực hiện các thủ tục giám định thì chỉ có ông Cao Hà C1 nộp các tài liệu gốc là Chúc T7 và T8 *khai tình trạng gia đình*; còn bà C và bà N không có mặt và có đơn ghi ngày 01-7-2023 đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, ngày 22-8-2023 ông Cao Đức H đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa để tiến hành giám định chữ ký trong Chúc thư; tuy nhiên, đã 02 lần bà C và bà N, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông H đều từ chối giám định, nên tại phiên tòa này không chấp nhận hoãn phiên tòa để thực hiện giám định lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã thụ lý đơn yêu cầu phản tố của anh Cao Hà C1 ngày 12-8-2019 và của anh Cao Hà N1 ngày 20-9-2019, cùng về nội dung yêu cầu công nhận Hợp đồng tặng cho nhà đất mà nguyên đơn đang khởi kiện yêu cầu hủy. Đây là ý kiến phản bác của bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý theo thủ tục phản tố của bị đơn (bl 248,



256) là không phù hợp với quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hướng dẫn tại Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán. Do đó, xác định đây không phải là phản tố của bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đã phát biểu nội dung này và diễn biến Phiên tòa sơ thẩm cũng không xem là thủ tục phản tố của bị đơn, nhưng Bản án sơ thẩm chưa xử lý số tiền đã nộp tạm ứng án phí; HĐXX phúc thẩm quyết định trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí phản tố cho anh C1 và anh N1.

[2] Xác định di sản thừa kế:

Thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22, diện tích 196,9 m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế là 199,1m<sup>2</sup>) tại số I đường T thuộc tổ C, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Cao C5, Lê Thị C3 tạo lập. Trên đất có ngôi nhà cấp 4 gồm có 03 căn nhưng nhà không còn do gia đình ông Cao L đập nhà cũ xây dựng lại từ năm 2002 như hiện nay. Thửa đất đã được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ số vào sổ GCNQSDĐ H00049 cho ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E vào ngày 03/8/2005.

Các bên đương sự đều thống nhất nguồn gốc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22, diện tích 196,9 m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế là 199,1 m<sup>2</sup>) tại số I đường T thuộc Tổ C, khu V, phường T, thành phố Q là do vợ chồng cụ Cao C5, Lê Thị C3 tạo lập. Do đó xác định đây là tài sản chung của cụ C7, cụ C3.

Theo xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q tại Bản khai ngày 04/6/2018: *“Ngày 14/01/2005, ông Cao L nộp đơn xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: số nhà I T, phường T, thành phố Q và được UBND phường T xác nhận nguồn gốc sử dụng đất: được cha mẹ cho nhà kèm theo đất năm 1973, sử dụng ổn định, không tranh chấp, không nằm trong quy hoạch giải tỏa.”*

Tại “Chúc thư” ngày 27-10-1973 thể hiện cụ C5 và cụ C3 tặng cho toàn bộ nhà đất nêu trên cho vợ chồng ông Cao L, phù hợp với thực tế quá trình gia đình ông L đã quản lý sử dụng ở và định đoạt từ năm 1973 đến nay như tiến hành xây dựng nhà ở, kê khai đăng ký theo quy định để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có ai tranh chấp, khiếu kiện. Năm 2002 vợ chồng ông Cao L đã phá dỡ toàn bộ nhà cũ để xây dựng lại nhà mới như hiện nay nhưng không có ai có ý kiến. Năm 2005 ông Cao L và bà E đã làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Kết luận giám định số 4860/KL-KTHS ngày 05-10-2022 đã xác định chữ ký trong Chúc thư là do cụ Cao C8 ký. Như vậy, cụ Cao C8 đã định đoạt tặng cho phần tài sản của mình (1/2 tài sản chung với cụ C3) cho ông Cao L và bà Hà Thị Thanh E; phù hợp với diễn biến quá trình sử dụng đất của vợ chồng ông Cao L liên tục ổn định từ năm 1973 đến nay đã gần 50 năm. Hơn nữa, vợ chồng ông Cao L phá dỡ nhà cũ, xây lại nhà mới để ở từ năm 2002 đến nay đã không ai ngăn cản, khiếu nại thể hiện đã thừa nhận việc tặng cho trên thực tế. Nay ông Cao C8 đã chết, không có tài liệu chứng cứ khác chứng minh cụ Cao C8 có sự định đoạt khác so với Chúc thư năm 1973, do đó không ai có quyền làm thay đổi ý chí định đoạt tài sản của cụ Cao C8.

Mặc dù khi còn sống cụ C3 đã giao nhà đất nêu trên cho vợ chồng ông Cao L sử dụng. Nhưng không có kết luận giám định hay chứng cứ nào khác khẳng định cụ C3 đã định đoạt tặng cho phần tài sản của mình cho vợ chồng ông Cao L. Do đó, phần tài sản của cụ C3 trong khối tài sản chung với cụ C8 (1/2) được xem là di sản và phân chia theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để xác định thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại số I đường T, thành phố Q là tài sản của vợ chồng cụ Cao C5, Lê Thị C3. Cụ C8 đã định đoạt tặng cho phần tài sản của mình, còn phần tài sản của cụ C3 là di sản thừa kế theo pháp luật.

[3] Xác định giá trị di sản thừa kế:

Nguyên đơn bà C, bà N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất chỉ yêu cầu chia thừa kế là giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22, diện tích 199,1m<sup>2</sup> (Theo kết quả đo đạc ngày 17/5/2019) tại số I đường T, thành phố Q cho các thừa kế, không yêu cầu chia tài sản là ngôi nhà xây dựng trên thửa đất.

Theo Biên bản định giá ngày 19/6/2020, đất ở tại vị trí số I đường T, thành phố Q có giá thị trường là 115.000.000 đồng/m<sup>2</sup>. Bị đơn cho rằng giá đất là quá cao, theo bị đơn đất có giá 80.000.000 đồng/m<sup>2</sup> nhưng nguyên đơn cho rằng giá đất theo định giá là thấp, theo nguyên đơn giá đất là 150.000.000 đồng/m<sup>2</sup>. Các bên có ý kiến ngược nhau nhưng không bên nào có tài liệu chứng cứ chứng minh là giá thị trường cao hơn hay thấp hơn so với định giá. Việc định giá theo giá thị trường sau khi có sự khảo sát, tham khảo thị trường là đúng quy định. Bản án sơ thẩm xác định giá đất theo Biên bản định giá là có cơ sở. Như vậy, tổng giá trị tài sản là 199,1 m<sup>2</sup> x 115.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 22.896.500.000 đồng (*hai mươi hai tỷ tám trăm chín mươi sáu triệu năm trăm ngàn*). Trong đó, phần của cụ Cao C8 là 1/2 = 11.448.250.000 đồng, phần di sản của cụ C3 là 11.448.250.000 đồng.

[4] Xác định người thừa kế:

Vợ chồng cụ Cao C5 (chết năm 1985), Lê Thị C3 (chết năm 2012) có 08 người con gồm: Cao Lương, Cao Thị T1, Cao Thị C2, Cao Thị C, Cao Thị N, Cao Hữu T2, Cao Thị Bích T3 và Cao Đức H. Các cụ không có con nuôi, con riêng. Theo điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Cao C5 và cụ Lê Thị C3 gồm: ông Cao L, bà Cao Thị T1, bà Cao Thị C2, bà Cao Thị C, bà Cao Thị N, ông Cao Hữu T2, bà Cao Thị Bích T3 và ông Cao Đức H.

[5] Phân chia di sản:

Vợ chồng ông Cao L ở chung với vợ chồng cụ Cao C5 từ khi ông kết hôn năm 1973 cho đến khi vợ chồng cụ C5 qua đời, ông L vẫn tiếp tục quản lý duy trì và tôn tạo di sản của cụ C3; tiến hành đăng ký kê khai đúng thủ tục về đất ở, nên đã làm tăng giá trị quyền sử dụng đất. Do đó, vợ ông L có công sức trong việc quản lý, gìn giữ và làm tăng giá trị di sản, nên cần trích cho ông L một khoản tiền công sức quản lý, gìn giữ di sản là một kỹ phần thừa kế

di sản mới đúng quy định. Do có 08 người hưởng thừa kế nên xác định kỹ phần này là thứ 9 cho ông L, bà E. Cụ thể, mỗi kỹ phần là 11.448.250.000 đồng : 9 = 1.272.027.777 đồng.

[6] Xem xét các yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các Hợp đồng tặng cho:

Nhà và đất tại số I T, thành phố Q vẫn do vợ chồng ông Cao L đứng tên trên Giấy chứng nhận QSD đất. Hiện tại anh Cao Hà C1 và anh Cao Hà N1 đang quản lý sử dụng nhà đất tại số I T Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đã định cư ở các nơi khác nhau.

Nguyên đơn bà Cao Thị C, bà Cao Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn đều thống nhất giao nhà, đất tại số I đường T, thành phố Q cho gia đình ông L tiếp tục sở hữu, sử dụng; đồng thời ông L phải thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế cho các thừa kế. Yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý với thực tế hiện trạng sử dụng đất.

Như vậy, giao di sản bằng hiện vật cho ông Cao L và buộc ông Cao L phải thôi lại giá trị các kỹ phần thừa kế cho những người hưởng thừa kế theo kỹ phần mỗi người là 1.272.027.777 đồng. Do ông Cao L được nhận toàn bộ nhà đất nên không cần phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E cấp năm 2005.

Ngày 26/5/2015, ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22 tại số I đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định cho anh Cao Hà C1, anh Cao Hà N1 và anh Cao Hà T theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2359 ngày 26/5/2015 giữa ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E với anh Cao Hà T, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2357 ngày 26/5/2015 giữa ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E với anh Cao Hà C1 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2358 ngày 26/5/2015 giữa ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E với anh Cao Hà N1.

Các Hợp đồng nêu trên đã được Công chứng tại Văn phòng C10. Do giao nhà đất cho ông Cao L và không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên việc ông Cao L và bà Hà Thị Thanh E tặng cho các con của mình là đúng pháp luật. Không có căn cứ để hủy các Hợp đồng này. Do ông Cao L tuổi đã cao và đang định cư ở nước ngoài, tài sản tặng cho các anh Cao Hà C1, anh Cao Hà N1 và anh Cao Hà T. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, các anh Cao Hà C1, anh Cao Hà N1 và anh Cao Hà T đều đồng ý nhận tài sản và chịu kế thừa trách nhiệm của ông Lương bà Em; nên quy định trách nhiệm cho các anh C1, N1 và T kế thừa trách nhiệm thôi trả cho những người thừa kế được hưởng kỹ phần di sản của cụ C3.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Nghị quyết số 326), ông Cao L, bà Cao Thị T1, bà Cao Thị C2, bà Cao Thị C, bà Cao Thị N, ông Cao Hữu T2, bà Cao Thị Bích T3 và ông Cao Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế nhưng ông L, bà T1, bà C2, bà C, bà N và ông T2 là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 nên các ông bà được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm như quyết định của bản án sơ thẩm. Bà Cao Thị Bích T3 và ông Cao Đức H mỗi người phải chịu 50.160.000 đồng.

[8] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 02 lần với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, việc quy định trách nhiệm được giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Ông Cao L, bà Cao Thị T1, bà Cao Thị C2, bà Cao Thị C, bà Cao Thị N, ông Cao Hữu T2, bà Cao Thị Bích T3 và ông Cao Đức H mỗi người phải chịu 1.875.000 đồng. Bà C đã nộp tạm ứng 10.000.000 đồng, anh Cao Hà N1 đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng nên bà T1, bà C2, bà N, ông H mỗi người phải hoàn lại cho bà C 1.875.000 đồng; bà T3 phải hoàn lại cho bà C 625.000 đồng và hoàn lại cho anh Cao Hà N1 1.250.000 đồng; ông L và ông T2 mỗi người phải hoàn lại cho anh N1 1.875.000 đồng.

9. Từ những nhận định trên, HĐXX phúc thẩm thấy cần chấp nhận Kháng nghị, chấp nhận một phần các kháng cáo, sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận Kháng nghị, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Cao Hà C1 (đồng thời đại diện cho ông Lương bà Em), không chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị C, Cao Thị N, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm, Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định

2. Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 34, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị C, bà Cao Thị N về việc chia thừa kế di sản của cụ Lê Thị C3 đối với giá trị  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22, diện tích 199,1m<sup>2</sup> tại 09 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Cao C9 đối với  $\frac{1}{2}$  giá trị thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22, diện tích 199,1m<sup>2</sup> tại 09 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định

2.2. Bà Cao Thị C, bà Cao Thị N, ông Cao L, bà Cao Thị C2, bà Cao Thị T1, ông Cao Hữu T2, bà Cao Thị Bích T3 và ông Cao Đức H mỗi người thừa kế được hưởng di sản của cụ C9 để lại là 1.272.027.777 đồng (làm tròn

là 1.272.027.800 đồng). Tính công sức bảo quản, tôn tạo di sản cho ông Cao L và bà Hà Thị Thanh E là 1.272.027.777 đồng.

2.3. Ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 22, diện tích 199,1m<sup>2</sup> tại 09 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ GCNQSDĐ H00049 do UBND thành phố Q đã cấp cho ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E ngày 03/8/2005.

2.4. Không chấp nhận yêu cầu hủy các hợp đồng gồm: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2359 ngày 26/5/2015 giữa ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E với anh Cao Hà T; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2357 ngày 26/5/2015 giữa ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E với anh Cao Hà C1 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2358 ngày 26/5/2015 giữa ông Cao L, bà Hà Thị Thanh E với anh Cao Hà N1.

2.5. Buộc ông Cao L (người kế thừa nghĩa vụ phải thanh toán là anh Cao Hà C1, anh Cao Hà N1 và anh Cao Hà T) thanh toán kỹ phần thừa kế cho bà Cao Thị C, bà Cao Thị N, bà Cao Thị C2, bà Cao Thị T1, ông Cao Hữu T2, bà Cao Thị Bích T3 và ông Cao Đức H mỗi người 1.272.027.800 đồng (*một tỷ hai trăm bảy mươi hai triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm đồng*)

### 3. Án phí dân sự:

Ông Cao L, bà Cao Thị C, bà Cao Thị N, bà Cao Thị C2, bà Cao Thị T1 và ông Cao Hữu T2 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

H4 lại cho bà Cao Thị C và bà Cao Thị N mỗi người 4.500.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 07748 và 07749 ngày 29/7/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bà Cao Thị Bích T3 và ông Cao Đức H mỗi người phải chịu 50.160.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phản tố cho anh Cao Hà N1 số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003720 ngày 16-10-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phản tố cho anh Cao Hà C1 số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003699 ngày 26-8-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Về án phí dân sự phúc thẩm: anh Cao Hà C1 không phải chịu, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho anh Cao Hà C1 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000233 ngày 25-10-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Bà C và bà N được miễn án phí phúc thẩm.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Với tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Ông Cao L, bà Cao Thị T1, bà Cao Thị C2, bà Cao Thị C, bà Cao Thị N, ông Cao Hữu T2, bà Cao Thị Bích T3 và ông Cao Đức H mỗi người phải chịu 1.875.000 đồng. Bà C đã nộp tạm ứng 10.000.000

đồng, anh Cao Hà N1 đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng nên bà T1, bà C2, bà N, ông H mỗi người phải hoàn lại cho bà C 1.875.000 đồng; bà T3 phải hoàn lại cho bà C 625.000 đồng và hoàn lại cho anh Cao Hà N1 1.250.000 đồng; ông L và ông T2 mỗi người phải hoàn lại cho anh N1 1.875.000 đồng.

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Tấn Long**